

Số: 46 /QĐ-FTS

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo các ngành Tiếng Đức, trình độ: trung cấp

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGOẠI THƯƠNG**

Căn cứ vào Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập trường Trung cấp Đa ngành Hà Nội;

Căn cứ vào Quyết định số 4851/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc đổi tên trường Trung cấp Đa ngành Hà Nội thành trường Trung cấp Ngoại thương;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp Ngoại thương được ban hành kèm theo quyết định số 05/QĐ-FTS ngày 17/02/2023 của Hiệu trưởng trường Trung cấp Ngoại thương;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Tiếng Đức, mã ngành/nghề: 5220210, trình độ: Trung cấp áp dụng giảng dạy trong nội bộ Trường Trung cấp Ngoại thương.

Điều 2. Giao phòng Đào tạo và các khoa trên cơ sở chương trình đào tạo này, tổ chức chỉ đạo bộ môn và giáo viên biên soạn giáo trình, giáo an theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông/bà trưởng phòng Đào tạo, trưởng Khoa và giáo viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Ngô Văn Cường

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 46/QĐ-FTS ngày 25 tháng 3 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Trung cấp Ngoại thương)

Ngành, nghề: Tiếng Đức

Mã ngành, nghề: 5220210

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THCS, THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2 năm (20 tháng)

1. Giới thiệu chương trình/ mô tả ngành, nghề đào tạo:

Ngành, nghề tiếng Đức là một ngành học thuộc ngành ngôn ngữ nhằm để học và sử dụng tiếng Đức tốt hơn. Học viên học ngành này được đào tạo các chủ đề như ngữ pháp, từ vựng, phát âm, giao tiếp và việc đọc và viết tiếng Đức. Ngoài ra, ngành học cũng bao gồm các thông tin về lịch sử, văn hóa và xã hội của Công hòa Liên bang Đức. Học ngôn ngữ Đức giúp học viên tăng cường kỹ năng giao tiếp, mở rộng kiến thức về Đức và cải thiện khả năng làm việc hoặc học tập trong môi trường Đức hoặc trong các công ty có liên quan đến Đức.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trung cấp tiếng Đức nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cần thiết về tiếng Đức thực hành. Đặc biệt là kỹ năng giao tiếp thông qua 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết.

Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực Tiếng Đức đạt trình độ bậc 3 theo khung Năng lực ngoại ngữ 6 Bậc của Việt Nam, hay đạt trình độ B1 theo CEFR,. Người học có thể sử dụng tiếng Đức vào các tình huống giao tiếp một cách tự tin, và cho những yêu cầu thực tế khác của công việc. Với vốn tiếng Đức trình độ trung cấp được trang bị sẽ là nền tảng vững chắc cho người học tự học nâng cao hay học liên thông lên các cấp đào tạo chuyên ngữ cao hơn.

Bên cạnh đó, người học được trang bị những kiến thức cơ bản yêu cầu cần có ở trình độ trung cấp, cũng như các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm...

2.2 Mục tiêu cụ thể:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có ở trình độ đào tạo và thuộc lĩnh vực chuyên môn như sau

2.2.1 Kiến thức:

Nắm được kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn;

- Nắm vững kiến thức tiếng Đức yêu cầu cần đạt ở trình độ Trung cấp trên cả 3 phương diện Ngữ pháp, Từ vựng và Phát âm;



- Có vốn từ vựng tiếng Đức chuyên ngành Du lịch và khái niệm cơ bản của một số hoạt động thuộc lĩnh vực chuyên môn liên quan
- Có vốn từ vựng tiếng Đức chuyên ngành Thương mại và khái niệm cơ bản của một số hoạt động thuộc lĩnh vực chuyên môn liên quan;
- Nắm được một số khái niệm và kỹ thuật giảng dạy tiếng Đức cho trẻ mầm non.

2.2.2 Kỹ năng:

- Có năng lực tiếng Đức đạt trình độ trung cấp đồng đều trên cả 4 kỹ năng ngôn ngữ Nghe, Nói, Đọc và Viết. Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng tiếng Đức. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, mong ước, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.
- Biết sử dụng các chiến lược học thích hợp để nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu, cũng như các kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm một cách chủ động, sáng tạo, hiệu quả nhằm giải quyết các tình huống đặt ra trong thực tiễn.
- Biết cách tìm kiếm thông tin, khai thác, sử dụng hiệu quả các phần mềm phục vụ cho tự học và công việc;

2.2.3 Thái độ

Giúp người học có ý thức và tinh thần trách nhiệm với bản thân, với quá trình tự học, và có ý chí vươn lên hoàn thành các mục tiêu cụ thể của cá nhân để có thể duy trì việc học tập suốt đời của bản thân nhằm đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp học sinh có thể:

- Giảng dạy tiếng Đức trong các trường THPT, Trung tâm GDTX, Trung tâm ngoại ngữ
- Làm việc trong lĩnh vực Du lịch, Thương mại
- Làm việc ở các cơ quan, doanh nghiệp có sử dụng tiếng Đức khi có bằng cấp nghề, chuyên môn phù hợp

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1530 giờ (57 tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 18
- Khối lượng học tập các môn học chung: 255 giờ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1275 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 347 giờ; thực hành, thực tập: 1146 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

1. TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Áp dụng các kiến thức về chính trị
2	NLCB-02	Áp dụng các kiến thức về pháp luật
3	NLCB-03	Duy trì sức khỏe
4	NLCB-04	Áp dụng các kiến thức về an ninh quốc phòng
5	NLCB-05	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản
6	NLCB-06	Sử dụng tiếng Anh giao tiếp cơ bản
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
1	NLCL-07	Nắm được kiến thức cơ bản về ngữ âm: nguyên âm, phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu, ký hiệu phiên âm..., để có thể phát âm chuẩn, cách mô tả vị trí của một số âm khó mang tính đặc thù của tiếng Đức
2	NLCL-08	Nắm được kiến thức cơ bản về từ loại tiếng Đức: danh từ, tính từ, động từ, trạng từ, giới từ, liên từ, từ để hỏi... các mẫu câu cơ bản
3	NLCL-09	Sử dụng một số cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu đơn giản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức. Có vốn từ cơ bản gồm các từ, cụm từ đơn lẻ thuộc các tình huống cụ thể.
4	NLCL-10	Có khả năng phát âm sao cho người đối thoại hiểu được, đạt hiệu quả về giao tiếp, sử dụng đúng từ, cách diễn đạt trong những tình huống giao tiếp cụ thể
5	NLCL-11	Có khả năng phát âm dễ hiểu và hiệu quả về mặt giao tiếp, biết sử dụng đúng từ, cách diễn đạt trong những tình huống giao tiếp cụ thể, biết sử dụng trôi chảy tập hợp các cách diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thuộc loại khuôn mẫu có sẵn trong các tình huống giao tiếp thực
6	NLCL-12	Kiến thức về các chuẩn ngôn ngữ xã hội và thông tin về văn hóa xã hội/ước định về phép lịch sự liên quan đến năng lực và chủ đề giao tiếp; các kỹ năng liên quan đến giao tiếp tương tác.
7	NLCL-13	Kiến thức về nội dung, ngôn ngữ, hình thức ngôn bản liên quan đến những tình huống cụ thể



8	NLCL-14	Đạt được các tiêu chí chung về năng lực ngoại ngữ ở bậc 2, gồm về vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết.
9	NLCL-15	Biết viết các thể loại viết thư thân mật, trang trọng, thư đặt phòng, tường thuật, trình bày ý kiến và miêu tả nơi chốn; Các kỹ năng viết/ghi lại thông tin
10	NLCL-16	Tiếp cận với thực tiễn tại các cơ quan tổ chức, nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Đức
III	Năng lực nâng cao	
1	NLCL-17	Bước đầu làm quen được một số thuật ngữ và khái niệm thương mại cơ bản bằng tiếng Đức, từ đó có được sự hiểu biết nhất định về doanh nghiệp, về các hoạt động chuyên môn liên quan đến chuyên ngành thương mại.
2	NLCL-18	Hiểu biết thêm về các khái niệm, kiến thức thương mại cơ bản, từ đó nâng cao sự hiểu biết về doanh nghiệp, về các hoạt động kinh doanh

6. Nội dung chương trình:

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I.	Các môn học chung	11	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	46	1275	253	998	24
1	Môn học, mô đun cơ sở	8	165	73	86	6
MĐ07	Ngữ âm thực hành	2	45	13	30	2
MĐ08	Ngữ pháp tiếng Đức cơ bản	2	45	15	28	2
MH09	Tiếng Đức cơ bản	4	75	45	28	2
2	Môn học, mô đun chuyên môn	32	960	150	798	12
MĐ10	Kỹ năng tổng hợp 1	5	105	45	58	2

MĐ11	Kỹ năng tổng hợp 2	5	105	45	58	2
MĐ12	Kỹ năng Nghe - Nói 1	3	75	15	58	2
MĐ13	Kỹ năng Nghe - Nói 2	3	75	15	58	2
MĐ14	Kỹ năng Đọc - Viết 1	3	75	15	58	2
MĐ15	Kỹ năng Đọc - Viết 2	3	75	15	58	2
MĐ16	Thực tập tốt nghiệp	10	450		450	BC
3	Môn học, mô đun tự chọn	6	150	30	114	6
MĐ17	Tiếng Đức thương mại 1	3	75	15	57	3
MĐ18	Tiếng Đức thương mại 2	3	75	15	57	3
Tổng cộng		57	1530	347	1146	37

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Hướng dẫn việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc: Do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập, tham gia làm việc trực tiếp tại bộ phận bếp trong các nhà hàng, khách sạn, cơ quan, doanh nghiệp và các cơ sở kinh doanh ăn uống...

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

7.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun đào tạo trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp;

- Thi, xét công nhận tốt nghiệp theo hướng dẫn tại thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

7.5. Các chú ý khác (nếu có):

Sau khi lựa chọn các môn học, môn học tự chọn, các khoa phối hợp với phòng đào tạo có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, môn học trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý./.

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Ngô Văn Cường